

không cho từng đối tượng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể việc tiếp nhận báo, tạp chí, chuyên đề từ cơ quan phát hành, nơi để các ấn phẩm, đối tượng khai thác sử dụng, quản lý và đối tượng có trách nhiệm hướng dẫn, tuyên truyền dưới các hình thức, phương tiện khác nhau đối với từng loại báo, tạp chí, chuyên đề cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền huyện, xã, thủ trưởng đơn vị có đối tượng nhận báo, tạp chí, chuyên đề cấp không của Nhà nước trong việc quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả những ấn phẩm này.

Định kỳ hàng quý kiểm tra số lượng báo, tạp chí, chuyên đề của cơ quan phát hành đã cung cấp cho từng đối tượng theo quy định, công tác quản lý, đánh giá hiệu quả trong việc khai thác sử dụng từng loại báo, tạp chí, chuyên đề và các khó khăn tồn tại để có biện pháp nhằm chấn chỉnh kịp thời.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 28/2002/TT-BTC ngày 26/3/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí cấp không thu tiền một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để hướng dẫn bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thủ trưởng*

**Huỳnh Thị Nhân**

## BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin số 47/2004/QĐ-BVHTT ngày 02/7/2004 về việc ban hành "Quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp".**

## BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

*Căn cứ Nghị định số 63/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa - Thông tin;*

*Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 32/1999/QĐ-BVHTT ngày 29/4/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn

hóa - Thông tin ban hành Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

Các quy định về quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp do Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin, Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin, các tổ chức, cá nhân hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA -  
THÔNG TIN

**Phạm Quang Nghị**

## **QUY CHẾ hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 47/2004/QĐ-BVHTT ngày 02/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin).*

### *Chương I*

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài.

#### **Điều 2.** Nguyên tắc quản lý

1. Nhà nước thống nhất quản lý các hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp bằng pháp luật.

2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân được quyền chủ động sáng tạo trong biểu diễn nghệ thuật; khuyến khích việc sưu tầm, nghiên cứu, giữ gìn, phát triển nghệ thuật dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa nghệ thuật thế giới và đưa ra nước ngoài biểu diễn những chương trình nghệ thuật mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

#### **Điều 3.** Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Biểu diễn và tổ chức biểu diễn chương trình, tiết mục, vở diễn có nội dung:

1.1. Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.2. Kích động bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc;

1.3. Truyền bá tư tưởng phản động, văn hóa đồi trụy, hành vi tàn ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục Việt Nam;

1.4. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng;

1.5. Xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc;

1.6. Xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự nhân phẩm của cá nhân.

2. Biểu diễn và tổ chức biểu diễn chương trình, tiết mục, vở diễn chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Quảng cáo mạo danh đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp; quảng cáo, giới thiệu không đúng chương trình, tiết mục, vở diễn không đúng người, đúng tên diễn viên hoặc thành tích nghệ thuật, danh hiệu nghệ thuật được Nhà nước phong tặng; để người không có trách nhiệm lên sân khấu trong khi diễn viên đang biểu diễn.

4. Thực hiện trong khi biểu diễn:

4.1. Tự tiện thay đổi động tác diễn xuất, phong cách biểu diễn nghệ thuật, thêm, bớt lời ca, lời thoại khác với nội dung và hình thức thể hiện đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép công diễn mà gây hậu quả xấu;

4.2. Lợi dụng giao lưu với khán giả để có những hành vi hoặc phát ngôn không đúng với chương trình, tiết mục, vở diễn đã được duyệt, cấp phép;

4.3. Dùng các phương tiện kỹ thuật để thay thế giọng hát thật của mình;

4.4. Đối với loại hình nghệ thuật sân khấu, ca múa nhạc truyền thống, dân gian, xiếc, nghệ thuật cổ điển Châu Âu: phục trang, hóa trang trái với thuần phong, mỹ tục, không phù hợp với đặc trưng loại hình nghệ thuật, không đúng với tính cách nhân vật và nội dung thể hiện giai đoạn lịch sử trong tác phẩm nghệ thuật;

4.5. Đối với loại hình nghệ thuật ca, múa, nhạc hiện đại: hóa trang tạo ra kiểu đầu tóc kinh dị, sơn, nhuộm tóc lòe loẹt, cạo trọc hoặc để tóc quá dài bù xù; trang phục hở hang, lộ liễu.

5. Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật:

5.1. Cấp các loại giấy phép không đúng thẩm quyền;

5.2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý không đúng chức năng, quyền hạn được pháp luật quy định.

## Chương II

### BIỂU DIỄN VÀ TỔ CHỨC BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP

**Điều 4.** Biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

Là hoạt động đưa chương trình, tiết mục, vở diễn đến với công chúng qua sự trình diễn của diễn viên chuyên nghiệp, thể hiện hình tượng nghệ thuật, phản ánh cuộc sống thông qua tác phẩm sân khấu, ca, múa, nhạc nhằm giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống, nâng cao dân trí, thẩm mỹ đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

**Điều 5.** Các loại hình nghệ thuật biểu diễn

Loại hình nghệ thuật biểu diễn nêu tại Quy chế này bao gồm: Tuồng, Chèo, Cải

lương, Xiếc, Múa Rối, Kịch nói, Kịch hát, Kịch câm, Dân ca kịch, Nhạc kịch, các loại hình nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc, Ngâm thơ, Tấu hài và các loại hình nghệ thuật khác được thể hiện trên sân khấu thông qua diễn xuất của diễn viên chuyên nghiệp.

#### **Điều 6. Diễn viên chuyên nghiệp**

Là người được đào tạo tại các trường nghệ thuật hoặc được truyền nghề về những loại hình nghệ thuật quy định tại Điều 5 Quy chế này và đang hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

#### **Điều 7. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp**

Là tổ chức hoạt động về biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập, thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, bao gồm:

1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp công lập gồm: đơn vị do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập.

2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp ngoài công lập gồm:

2.1. Đơn vị được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Đơn vị nghệ thuật thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối

với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

3. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn.

#### **Điều 8. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

Là đơn vị hoạt động về tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập hoặc thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp bao gồm:

1. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp công lập gồm: đơn vị do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập.

2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ngoài công lập gồm: đơn vị được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 9. Đối tượng được tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

1. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp công lập gồm:

1.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp ghi tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này;

1.2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ghi tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ngoài công lập gồm:

2.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo



quy định của Luật Doanh nghiệp ghi tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

2.2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

2.3. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp ghi tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

3. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn được quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

4. Các đối tượng khác tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ nội bộ gồm:

4.1. Chủ địa điểm (khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, cửa hàng ăn uống, giải khát, điểm vui chơi giải trí công cộng);

4.2. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội.

**Điều 10.** Điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 9 Quy chế này

1. Có giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn do Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin cấp,

theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này.

2. Có giấy tiếp nhận biểu diễn của Sở Văn hóa - Thông tin địa phương nơi đơn vị đến tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

**Điều 11.** Điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này

1. Chủ địa điểm (quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều 9 Quy chế này):

1.1. Chỉ được tổ chức biểu diễn tại địa điểm đăng ký kinh doanh những chương trình, tiết mục, vở diễn đã được phép phổ biến;

1.2. Trong chương trình biểu diễn tại địa điểm đăng ký kinh doanh có đối tượng quy định tại Điều 16 Quy chế này tham gia biểu diễn các chương trình, tiết mục, vở diễn đã được Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin cho phép vào Việt Nam biểu diễn, theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này, phải gửi đăng ký đến Sở Văn hóa - Thông tin sở tại ít nhất 3 ngày làm việc trước khi biểu diễn;

1.3. Không quảng cáo về biểu diễn nghệ thuật; không bán vé, thu tiền dưới mọi hình thức;

1.4. Độ ồn khi biểu diễn:

- Đối với địa điểm nằm trong khu đô thị (thị trấn, thị xã, thành phố): độ ồn bên ngoài khu vực biểu diễn không vượt quá tiêu chuẩn "Mức ồn tối đa cho phép" theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN số 5949 - 1998);

- Đối với địa điểm còn lại phải đảm bảo: tiếng ồn không làm cản trở các hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị và nhân dân xung quanh nơi biểu diễn;

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội (quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều 9 Quy chế này):

2.1. Được tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp để phục vụ nội bộ nhưng không được quảng cáo; không được bán vé thu tiền dưới mọi hình thức; trong chương trình có đối tượng quy định tại Điều 16 Quy chế này tham gia biểu diễn các chương trình, tiết mục; vở diễn đã được Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin cho phép vào Việt Nam biểu diễn, theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này, phải gửi văn bản đăng ký đến Sở Văn hóa - Thông tin sở tại ít nhất 3 ngày làm việc trước khi biểu diễn.

2.2. Trường hợp tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có doanh thu nhằm mục đích phục vụ xã hội, từ thiện, phải thực hiện quy định tại Điều 10 Quy chế này và các quy định có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

### Chương III

## QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA ĐƠN VỊ NGHỆ THUẬT, ĐƠN VỊ TỔ CHỨC BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT VÀ DIỄN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP

**Điều 12.** Quyền lợi và nghĩa vụ của

đơn vị nghệ thuật; đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

### 1. Quyền lợi:

1.1. Được tổ chức biểu diễn nghệ thuật và được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật của mình trước công chúng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

1.2. Được thu nhập tài chính bằng lao động nghệ thuật chuyên nghiệp hợp pháp;

1.3. Được chủ động xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.4. Được sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả;

1.5. Được huy động các nguồn tài chính hợp pháp cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.6. Được tuyển chọn và đào tạo diễn viên.

### 2. Nghĩa vụ:

2.1. Tham gia biểu diễn nghệ thuật phục vụ chính trị, xã hội, từ thiện theo yêu cầu của Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin;

2.2. Đảm bảo chất lượng chương trình nghệ thuật đã được cấp phép công diễn. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi, bổ sung tiết mục phải được sự đồng ý của cơ quan cấp phép hoặc Sở Văn hóa - Thông tin nơi đơn vị đến lưu diễn;

2.3. Đảm bảo an ninh, trật tự trong khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật;

2.4. Trong quá trình biểu diễn phát hiện

có vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam, phải dừng biểu diễn và báo cáo cơ quan cấp phép (trường hợp biểu diễn ở nước ngoài phải báo cáo Đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam) giải quyết;

2.5. Thực hiện nghĩa vụ về thuế, các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quảng cáo, các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

2.6. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài phải thực hiện Nghị định số 72/2000/NĐ-CP ngày 05/12/2000 của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài, pháp luật Việt Nam, các quy định pháp luật nước sở tại về cư trú, đi lại và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tổ chức biểu diễn nghệ thuật có yếu tố nước ngoài, phải gửi văn bản báo cáo kết quả hoạt động về cơ quan cấp phép.

**Điều 13. Quyền lợi và nghĩa vụ của diễn viên chuyên nghiệp**

### **1. Quyền lợi:**

1.1. Được hưởng các quyền của người biểu diễn, được sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.2. Được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật trước công chúng trong

và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

1.3. Được thu nhập tài chính bằng những lao động nghệ thuật chuyên nghiệp hợp pháp;

1.4. Được huy động các nguồn tài chính theo quy định của pháp luật cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.5. Được ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

1.6. Được nhà nước tạo điều kiện để nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, văn hóa;

1.7. Được hưởng các quyền lợi về vật chất và tinh thần khác theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

### **2. Nghĩa vụ:**

2.1. Tham gia biểu diễn nghệ thuật phục vụ chính trị, xã hội, từ thiện theo yêu cầu của Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin;

2.2. Thường xuyên học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ để không ngừng nâng cao trình độ phục vụ nhân dân;

2.3. Thực hiện nghĩa vụ thuế, các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quảng cáo và các quy định tại Quy chế này. Khi biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài phải thực hiện Nghị định số 72/2000/NĐ-CP ngày 05/12/2000 của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài, pháp luật Việt Nam, các quy định pháp luật nước sở tại về cư trú, đi lại và các quy

định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.4. Trường hợp đi ra nước ngoài với mục đích khác sau đó tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Quy chế này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày về nước, diễn viên phải báo cáo chương trình, tiết mục, vở diễn đã biểu diễn ở nước ngoài cho Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin nơi diễn viên thường trú hoặc đăng ký tạm trú theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này.

#### *Chương IV*

### **BIỂU DIỄN VÀ TỔ CHỨC BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

**Điều 14.** Hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có yếu tố nước ngoài

1. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp:

1.1. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.2. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài và diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

2. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp:

2.1. Tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn

viên Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.2. Tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.3. Tổ chức cho diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.4. Tổ chức cho người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.5. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ở Việt Nam của các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 15.** Điều kiện tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

1. Có giấy mời của đối tác nước ngoài hoặc trong nước.

2. Có đơn đề nghị, gửi kèm theo danh sách thành viên tham gia (ghi rõ họ tên, chức vụ, nghề nghiệp) và nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn sẽ biểu diễn ở nước ngoài.

3. Có văn bản hợp đồng hoặc thỏa thuận với đối tác nước ngoài.

4. Nơi nộp hồ sơ: đơn vị gửi hồ sơ (gồm các văn bản quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này) về Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này.

5. Trường hợp diễn viên đi ra nước ngoài dưới mục đích khác sau đó tham



gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp phải thực hiện:

5.1. Làm thủ tục bổ sung hoặc chuyển đổi mục đích nhập cảnh tại cơ quan cấp thị thực ở nước sở tại;

5.2. Có văn bản báo cáo tới Đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại, nội dung nêu rõ: họ tên, số điện thoại, địa chỉ cá nhân khi cần liên hệ; nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn; địa chỉ đối tượng tổ chức biểu diễn; thời gian, địa điểm biểu diễn.

**Điều 16.** Điều kiện tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

1. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài:

1.1. Có đơn đề nghị của đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam, gửi kèm nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn, danh sách thành viên tham gia (ghi rõ họ tên, chức vụ, nghề nghiệp);

1.2. Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản giữa đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam với đối tác mời;

1.3. Gửi băng, đĩa (Video - VCD - DVD) ghi chương trình, tiết mục, vở diễn sẽ biểu diễn tại Việt Nam (khi cơ quan cấp phép yêu cầu).

2. Diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài:

2.1. Có đủ điều kiện quy định tại điểm 1.1, 1.2 khoản 1 Điều này;

2.2. Có ý kiến bằng văn bản của Đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại về việc diễn viên về nước biểu diễn.

3. Diễn viên là người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam:

3.1. Có đơn đề nghị của đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam;

3.2. Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản giữa đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam với đối tác mời.

4. Nơi nộp hồ sơ:

4.1. Tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài, người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam (quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này) gửi hồ sơ về Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này;

4.2. Tổ chức cho diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài (quy định tại khoản 2 Điều này) gửi hồ sơ về Cục Nghệ thuật biểu diễn.

**Điều 17.** Điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam

1. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại địa điểm đăng ký hoạt động phải thực hiện:

1.1. Gửi văn bản đăng ký thời gian và nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn đến Sở Văn hóa - Thông tin nơi đặt địa điểm hoạt động;

1.2. Thời gian gửi đăng ký ít nhất 05 ngày làm việc trước khi tổ chức biểu diễn.

2. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ngoài địa điểm đăng ký hoạt động phải thực hiện:

2.1. Thông qua một đơn vị có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Việt Nam;

2.2. Có giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn do Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin cấp, theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này;

2.3. Có giấy tiếp nhận cho phép biểu diễn của Sở Văn hóa - Thông tin địa phương nơi đơn vị đến tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

3. Chương trình biểu diễn có mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài, người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam hoặc diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, phải thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

**Điều 18.** Quyền lợi và nghĩa vụ của đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài, người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam, diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại Việt Nam

1. Quyền lợi:

1.1. Được thu nhập tài chính bằng lao động nghệ thuật chuyên nghiệp hợp pháp;

1.2. Được sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả;

1.3. Được huy động các nguồn tài chính hợp pháp cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.4. Được Nhà nước Việt Nam bảo hộ, tạo điều kiện thuận lợi để biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trước công chúng theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

1.5. Được cơ quan chức năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2. Nghĩa vụ: thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, thực hiện quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Việt Nam.

## Chương V

### QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP

#### **Điều 19.** Phân cấp quản lý

1. Bộ Văn hóa - Thông tin là cơ quan được Chính phủ giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc, có trách nhiệm và quyền hạn:

1.1. Quản lý mọi hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc;

1.2. Cho phép đơn vị nghệ thuật Trung

ương, diễn viên thuộc các đơn vị nghệ thuật Trung ương ra nước ngoài; đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.3. Cho phép đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật Việt Nam mời diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.4. Đình chỉ hoạt động biểu diễn những chương trình, tiết mục, vở diễn, diễn viên cố tình làm trái quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Cục Nghệ thuật biểu diễn là cơ quan chịu trách nhiệm trước Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại địa phương, có trách nhiệm và quyền hạn:

3.1. Quản lý mọi hoạt động biểu diễn nghệ thuật tại địa phương;

3.2. Cho phép các đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài; đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

4. Sở Văn hóa - Thông tin có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của đơn vị trực thuộc.

**Điều 20.** Trách nhiệm và quyền hạn của Cục Nghệ thuật biểu diễn

1. Duyệt, cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn ở trong nước và có yếu tố nước ngoài cho các đối tượng:

1.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;

1.2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội thuộc Trung ương.

2. Đề xuất nhân sự, xây dựng chương trình nghệ thuật lớn ở trong nước và tổ chức ra nước ngoài biểu diễn do Bộ Văn hóa Thông tin yêu cầu.

3. Đề nghị Bộ Văn hóa - Thông tin đình chỉ hoạt động biểu diễn, những chương trình, tiết mục, vở diễn nghệ thuật, diễn viên cố tình làm trái với Quy chế này và các quy định có liên quan.

4. Tiếp nhận hồ sơ và xin ý kiến cơ quan chức năng trước khi trình Bộ Văn hóa - Thông tin cho phép đơn vị nghệ thuật Trung ương, diễn viên thuộc Trung ương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

5. Tiếp nhận hồ sơ và xin ý kiến cơ quan chức năng trước khi trình Bộ Văn hóa - Thông tin cho phép:

5.1. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc Trung ương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

5.2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam mời diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn nghệ thuật trên phạm vi toàn quốc.

6. Phối hợp với Thanh tra Bộ Văn hóa - Thông tin thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

**Điều 21.** Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Văn hóa - Thông tin

1. Duyệt, cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn ở trong nước và có yếu tố nước ngoài cho các đối tượng:

1.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc địa phương;

1.2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên

ng nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn thuộc địa phương;

1.3. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nơi đặt trụ sở chính tại địa phương, không có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật muốn tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có doanh thu nhằm mục đích phục vụ công tác xã hội, từ thiện (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Cục Nghệ thuật biểu diễn quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 20 Quy chế này);

1.4. Duyệt, cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn cho các đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật do Cục Nghệ thuật biểu diễn ủy quyền.

2. Tiếp nhận đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật (trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do) cho các đối tượng sau đây:

2.1. Tổ chức nước ngoài; tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam đặt trụ sở chính tại địa phương tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp quy định tại điểm 2.5 khoản 2 Điều 14 Quy chế này;

2.2. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này tổ chức cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 16 Quy chế này biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

3. Cấp giấy tiếp nhận biểu diễn, giấy phép quảng cáo cho đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đã được Cục Nghệ



thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh, thành phố khác cấp giấy phép công diễn đến biểu diễn tại địa phương.

4. Tiếp nhận hồ sơ và xin ý kiến các cơ quan chức năng trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép:

4.1. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

4.2. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

5. Tiếp nhận hồ sơ và cho phép người nước ngoài đang sinh sống tại địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn.

6. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn.

7. Báo cáo hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có yếu tố nước ngoài do địa phương quản lý về Cục Nghệ thuật biểu diễn vào tháng 12 hàng năm để theo dõi.

**Điều 22.** Thủ tục và thời gian cấp giấy phép công diễn

1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp xin cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn gửi hồ sơ về Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin theo phân cấp quản

lý tại Điều 20, 21 Quy chế này. Hồ sơ gồm:

1.1. Đơn xin phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn ghi rõ: tên chương trình, tiết mục, vở diễn, thời gian, địa điểm công diễn;

1.2. Bản tóm tắt nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn, danh sách tác giả, đạo diễn, biên đạo, nhạc sĩ, họa sĩ, diễn viên tham gia;

1.3. Trong chương trình, tiết mục, vở diễn có đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài tham gia phải có quyết định cho phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo phân cấp quản lý tại Điều 19 Quy chế này;

1.4. Trong chương trình, tiết mục, vở diễn có diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia phải có quyết định cho phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Bộ Văn hóa - Thông tin;

1.5. Các đơn vị nghệ thuật được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP của Chính phủ, các đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nộp bản sao có công chứng quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép

công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn. Trường hợp không cấp phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 23.** Hiệu lực của giấy phép

Giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn do Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin cấp theo quy định tại Điều 20, 21 Quy chế này, có hiệu lực trong phạm vi toàn quốc, trừ trường hợp trong giấy phép có hạn chế phạm vi biểu diễn.

*Chương VI*

**THANH TRA, KIỂM TRA VÀ  
XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 24.** Trách nhiệm và quyền hạn của Thanh tra

1. Thanh tra Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thi hành Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong phạm vi toàn quốc.

2. Thanh tra Sở Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thi hành Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong phạm vi địa phương.

**Điều 25.** Xử lý vi phạm

1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật và diễn viên chuyên nghiệp thực hiện các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, nếu có hành vi vi phạm tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phải làm đúng chức năng, quyền hạn được giao. Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng chức vụ quyền hạn trong việc cấp phép, kiểm tra, thanh tra, quyết định xử phạt sai, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho đơn vị, diễn viên chuyên nghiệp, tùy theo tính chất, mức độ sai phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

*Chương VII*

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26.** Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 32/1999/QĐ-BVHTT ngày 29/4/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin./.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA -  
THÔNG TIN

**Phạm Quang Nghị**